

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1572/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 58/TTr-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 76 liệt sĩ thuộc Đường sắt Việt Nam và 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Hải Dương, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Bình, Sóc Trăng, Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

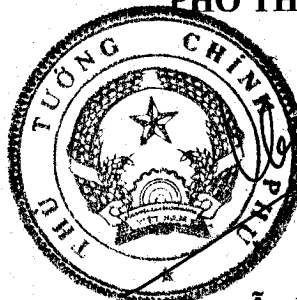
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: PCN Phạm Việt Muôn,  
Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (0 b).

**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**

**DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BẰNG HIỆU QUỐC GHI CÔNG"**  
(Kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)



## **ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

### **1. Liệt sĩ: Phan Văn Thìn**

Công nhân Đội Đường sắt phía Nam, Nguyên quán: Xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 08 năm 1965.

## **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **2. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Lạc**

Thương binh 2/4 (tỷ lệ 61%), Nguyên quán: thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 03 năm 2013.

## **TỈNH HÀ TĨNH**

### **3. Liệt sĩ: Ngô Đức Diễn**

Đảng viên Đảng Tân Việt, Nguyên quán: thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 08 tháng 4 năm 1930.

## **TỈNH HẢI DƯƠNG**

### **4. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Liêm**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1949.

## **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **5. Liệt sĩ: Huỳnh Viết Tuấn**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: Đa Phước, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1986.

6. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành

Ủy viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1971.

**TỈNH NGHỆ AN**

7. Liệt sĩ: Trần Hữu Thăng

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968.

8. Liệt sĩ: Đặng Quang Minh

Dân công huyện Diễn Châu, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1973.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Sĩ Nghĩa (Hò)

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1973.

10. Liệt sĩ: Nguyễn Cư Thế

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1969.

11. Liệt sĩ: Trần Xuân Phụng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Huy

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1966.

13. Liệt sĩ: Trần Xuân Nguyên

Trung đội phó, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1971.

14. Liệt sĩ: Ngô Khắc Cầu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967.

15. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thìn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970.

16. Liệt sĩ: Cao Như Ngôn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967.

17. Liệt sĩ: Thái Văn Lâm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1968.

18. Liệt sĩ: Đặng Thị Lan

Tiểu đội phó TNXP Đội Cù Chính Lan, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968.

19. Liệt sĩ: Cao Đăng Cát

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968.

20. Liệt sĩ: Cao Tiến Xinh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968.

21. Liệt sĩ: Cao Hồng Te

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1968.

22. Liệt sĩ: Cao Hữu Trương

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1966.

23. Liệt sĩ: Hoàng Miễn (tức Việt)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1967.

24. Liệt sĩ: Phan Đức Huyền

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1967.

25. Liệt sĩ: Võ Công Hoan

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1968.

26. Liệt sĩ: Võ Văn Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968.

27. Liệt sĩ: Đâu Như Quỳnh

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễm Bích, huyện Diễm Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972.

28. Liệt sĩ: Võ Khắc Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễm Bích, huyện Diễm Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Huệ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thanh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 02 năm 1968.

30. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Dũng

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Dinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1967.

31. Liệt sĩ: Hoàng Văn Kỳ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễm Thịnh, huyện Diễm Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966.

32. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Thốc

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễm Xuân, Diễm châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1967.

33. Liệt sĩ: Bùi Văn Dàn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễm Kim, Diễm châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969.



34. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Cầu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968.

35. Liệt sĩ: Hồ Văn Cứu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966.

36. Liệt sĩ: Trần Xuân Kỳ

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1974.

37. Liệt sĩ: Đào Hồng Quế (Quân)

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967.

38. Liệt sĩ: Lê Đình Trương

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1970.

39. Liệt sĩ: Tạ Hồng Hải

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966.

40. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Nhu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969.

41. Liệt sĩ: Nguyễn Hồng Toàn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Viên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1966.

42. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Thục

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1968.

43. Liệt sĩ: Nguyễn Sơn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967.

44. Liệt sĩ: Bùi Nhật Cương

Chén sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1968.

45. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Liên

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1973.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phát

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1966.

47. Liệt sĩ: Cao Tiến Dũng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1982.



48. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thiều

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 02 năm 1984.

49. Liệt sĩ: Đỗ Văn Thứ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1968.

50. Liệt sĩ: Lê Văn Đạm

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967.

51. Liệt sĩ: Phan Hữu Mai

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968.

52. Liệt sĩ: Đậu Ngọc Quế

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1979.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Ty

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973.

54. Liệt sĩ: Đậu Xuân Khai

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1972.

55. Liệt sĩ: Phan Xuân Thâm

Chính trị viên đại đội, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1974

56. Liệt sĩ: Nguyễn Anh Thới

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1967.

57. Liệt sĩ: Cao Văn Trù

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1968.

58. Liệt sĩ: Hoàng Sỹ Châu

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1979.

59. Liệt sĩ: Đâu Công Trứ

Phân đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tiến, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1969.

60. Liệt sĩ: Cao Thị Cương

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1967.

61. Liệt sĩ: Cao Trọng Hời

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1967.

62. Liệt sĩ: Trần Chí Tiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1970.

63. Liệt sĩ: Cao Xuân Tùng

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1968.

64. Liệt sĩ: Cao Khắc Quế

Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 01 năm 1953.

65. Liệt sĩ: Đậu Kim Luyện

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 04 năm 1968.

66. Liệt sĩ: Lê Văn Nam

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 09 năm 1967.

68. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Thảo

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1971.

69. Liệt sĩ: Ngô Xuân Đào

Chính trị viên đại đội, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1969.

70. Liệt sĩ: Cao Sỹ Thập

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1969.

71. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Tịnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968.

72. Liệt sĩ: Đặng Minh Nga

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967.

## TỈNH PHÚ THỌ

73. Liệt sĩ: Bùi Thìn

Cán bộ Huyện ủy Yên Lập, Nguyên quán: xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1950.

## TỈNH QUẢNG BÌNH

74. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Vạn

Thương binh 4/4 (tỷ lệ 31%), Nguyên quán: xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 2011.

## TỈNH SÓC TRĂNG

75. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lợi

Thương binh  $\frac{3}{4}$  (tỷ lệ 51%), Trú quán: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 2007.

## TỈNH THANH HÓA

76. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quảng

Thương binh  $\frac{3}{4}$  (34%), Nguyên quán: xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 2012./.